

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 19-8-2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 477/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25 /2022/QĐST – HNGĐ, ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị Ánh T, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ X, đường D, khu phố Y, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1987.

Trú tại: Tổ X, đường D, khu phố Y, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 06/5/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, nguyên đơn bà Văn Thị Ánh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà T và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 93, quyển số 02, ngày 07 tháng 10 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Eaka, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H ngoại tình với

người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng sống không có hạnh phúc, ông H không thường xuyên về nhà làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà T khai vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Minh M, sinh ngày 06/3/2012 và Trần Việt Q, sinh ngày 23/12/2014. Hiện 02 con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ: Bà T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

3. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Văn H có nơi cư trú tại đường D, khu phố Y, phường TH, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp. Thời gian đầu, bà T và ông H chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của bà T thì được biết: Hiện nay, bà T và ông H không thường xuyên sống chung nhà với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau theo nghĩa vợ chồng. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa. Khi bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông H, Tòa án triệu tập ông H nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông H đều vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Xét thấy bà T không còn thiện chí sống chung vợ chồng với ông H được nữa nên không cần duy trì cuộc hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T khai có 02 con chung với ông H tên là Trần Minh M sinh ngày 06/3/2012 và Trần Việt Q sinh ngày 23/12/2014, từ lúc vợ chồng không thường xuyên sống chung với nhau thì 02 con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay bà T có nhà ở hợp pháp, là công nhân Công ty TNHH LK, có việc làm ổn định, thu nhập từ lương và kinh doanh nhà trọ tương đối, ông H có chu cấp tiền cho bà T để nuôi con. Trong thời gian nuôi dưỡng 02 con chung, bà T đảm bảo tốt nhu cầu về vật chất và tinh thần cho các con chung. Hơn nữa, 02 con chung có nguyện vọng được sống với bà T khi bà T và ông H ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Trong thời gian tới, nếu bà T, ông H gặp khó khăn không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà T, ông H đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ: Bà T và ông H không tranh chấp nên không đề cập đến.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn Thị Ánh T đối với bị đơn ông Trần Văn H về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Cho bà Văn Thị Ánh T và ông Trần Văn H được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Trần Minh M, sinh ngày 06/3/2012 và Trần Việt Q, sinh ngày 23/12/2014 cho bà Văn Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Văn Thị Ánh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không tranh chấp nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Văn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005191 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã G, huyện Eaka, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Nga